

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN
THỰC PHẨM THUY HƯƠNG**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, XÂY DỰNG,
THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THUY HƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUY HUONG FOOD PROCESS AND
TRADING, CONSTRUCTION, CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THUY HUONG FPTC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107066638

3. Ngày thành lập: 26/10/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

thôn Trung Tiến, Xã Thụy Hương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983083946

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
4.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
5.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
6.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
7.	Trồng lúa	0111
8.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
9.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
10.	Trồng cây mía	0114
11.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
12.	Trồng cây lấy sợi	0116
13.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
15.	Trồng cây hàng năm khác	0119
16.	Trồng cây ăn quả	0121
17.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
18.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
19.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
20.	Chăn nuôi lợn	0145
21.	Chăn nuôi gia cầm	0146
22.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210

23.	Khai thác gỗ	0221
24.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
25.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
26.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
27.	Khai thác thủy sản biển	0311
28.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
29.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
30.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010(Chính)
31.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
32.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
34.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
35.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng	1079
36.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
37.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
38.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
42.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
43.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
44.	In ấn	1811
45.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
46.	Sao chép bản ghi các loại	1820
47.	Sản xuất than cốc	1910
48.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
62.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
63.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
64.	Thu gom rác thải độc hại	3812
65.	Xây dựng nhà các loại	4100
66.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
67.	Xây dựng công trình công ích	4220
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
69.	Phá dỡ	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
73.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
74.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
75.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
76.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
77.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
78.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
79.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
80.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
81.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ những loại nhà nước cấm)	4620
82.	Bán buôn gạo	4631
83.	Bán buôn thực phẩm	4632
84.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
85.	Giáo dục mầm non	8510
86.	Giáo dục tiểu học	8520
87.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
88.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
89.	Đào tạo cao đẳng	8541
90.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542

91.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế kiến trúc công trình: thiết kế nội ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; thiết kế kết cấu công trình; thiết kế cấp thoát nước; thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu và lập hồ sơ mời thầu	7110
92.	Cho thuê xe có động cơ	7710
93.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

6. Vốn điều lệ: 9.500.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN ANH	Xóm Muối, Xã Yên Bài, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	285.000	2.850.000.000	30	111910636	
			Tổng số	285.000	2.850.000.000	30		
2	NGUYỄN BÁ DƯ	Thôn Tân Mỹ, Xã Thụy Hương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	475.000	4.750.000.000	50	110202630	
			Cổ phần phổ thông	475.000	4.750.000.000	50		
3	HOÀNG THẾ CĂN	P19, tập thể C30, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	1.900.000.000	20	001054002844	
			Tổng số	190.000	1.900.000.000	20		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN BÁ DƯ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 16/06/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 110202630

Ngày cấp: 29/09/2011

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Tân Mỹ, Xã Thụy Hương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Tân Mỹ, Xã Thụy Hương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội